

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH PHÚ YÊN Độc lập Tự do Hạnh phúc

Số: 05/2018/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 13 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức hỗ trợ thực hiện Chương trình Sữa học đường
trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2018 - 2021**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định mức hỗ trợ thực hiện Chương trình Sữa học đường trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2018 - 2021; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ, định mức sữa và hình thức lựa chọn nhà cung cấp sữa để thực hiện Chương trình Sữa học đường.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện Chương trình Sữa học đường trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Đối tượng thụ hưởng

1. Đối tượng được hỗ trợ 100% gồm trẻ mẫu giáo và học sinh lớp 1, lớp 2 trên địa bàn tỉnh thuộc diện: Con hộ nghèo, cận nghèo; con mồ côi đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng; con thương binh, liệt sĩ, có công cách mạng quy định tại Khoản 1 Điều 1 Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi

người có công với cách mạng; là đồng bào dân tộc thiểu số; có hộ khẩu cư trú tại thôn đặc biệt khó khăn, các xã khu vực III (theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020) và các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển (theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020).

2. Đối tượng tự nguyện là trẻ mẫu giáo và học sinh lớp 1, lớp 2 trên địa bàn tỉnh không thuộc quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 3. Thời gian thụ hưởng, định mức sữa và hình thức hỗ trợ

1. Thời gian thụ hưởng:

Các đối tượng được hỗ trợ uống sữa trong 3 năm học (9 tháng/năm, gồm 36 tuần) như sau:

a) Năm học 2018-2019: Triển khai tại 09 huyện, thị xã, thành phố đối với trẻ mẫu giáo.

b) Năm học 2019-2020: Triển khai tại 09 huyện, thị xã, thành phố đối với trẻ mẫu giáo và học sinh lớp 1.

c) Năm học 2020-2021: Triển khai tại 09 huyện, thị xã, thành phố đối với trẻ mẫu giáo, học sinh lớp 1 và lớp 2.

2. Định mức sữa:

Mỗi trẻ mẫu giáo và học sinh lớp 1, lớp 2 được uống sữa 03 lần/tuần theo năm học, mỗi lần uống một hộp Sữa tươi tiệt trùng có đường 180ml (mỗi trẻ uống 108 hộp/năm).

3. Hình thức hỗ trợ:

Hỗ trợ kinh phí cho nhà trường mầm non, tiểu học trên địa bàn tỉnh để mua sữa tại Công ty sữa trứng thâu theo quy định.

Điều 4. Mức hỗ trợ

1. Đối tượng được hỗ trợ 100%:

Ngân sách địa phương hỗ trợ là 65%, Công ty sữa hỗ trợ là 35%.

2. Đối tượng tự nguyện

| Địa bàn | Ngân sách địa phương | Gia đình học sinh | Công ty sữa |
|----------------|-----------------------------|--------------------------|--------------------|
| Đô thị | 15% | 50% | 35% |
| Đồng bằng | 35% | 30% | 35% |
| Miền núi | 55% | 10% | 35% |

Trong đó: Đô thị gồm phường của thành phố, thị xã và thị trấn của các huyện đồng bằng; Đồng bằng gồm các xã của thành phố, thị xã, các huyện đồng bằng và thị trấn của 3 huyện miền núi; Miền núi gồm các xã của 3 huyện miền núi.

3. Ngân sách địa phương gồm:

Ngân sách tỉnh và ngân sách cấp huyện (huyện, thị xã, thành phố), theo tỷ lệ:

- a) Huyện miền núi: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 70%, ngân sách huyện hỗ trợ 30%.
- b) Huyện đồng bằng: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%, ngân sách huyện hỗ trợ 50%.
- c) Thành phố, thị xã: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 30%, ngân sách thành phố, thị xã hỗ trợ 70%.

Điều 5. Hình thức lựa chọn nhà cung cấp sữa

Tổ chức đấu thầu để lựa chọn nhà cung cấp sữa cho Chương trình Sữa học đường theo quy định pháp luật, với điều kiện nhà cung cấp sữa hỗ trợ kinh phí cho Chương trình Sữa học đường ít nhất là 35%.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Hằng năm, báo cáo kết quả tại kỳ họp thường lệ cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VII, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 7 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Việt